



# TÌM HIỂU KHÁI NIỆM VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ TUỔI CHỊU TRÁCH NHIỆM HÀNH CHÍNH THEO LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH NĂM 2012

Thiếu tá, ThS. Phạm Đức Thiện \*

**Tóm tắt nội dung:** Luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2012 (sau đây gọi là Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012), có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 là văn bản quy phạm pháp luật có tính chất tổng hợp, toàn diện, có hiệu lực pháp lý cao nhất về xử lý vi phạm hành chính. Sau gần một năm có hiệu lực thi hành, Luật xử lý vi phạm hành chính đã phát huy được vai trò điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân ban hành. Tuy vậy, văn bản quy phạm pháp luật này cũng đã bộc lộ những vấn đề về lý luận cũng như thực tiễn cần phải được trao đổi thêm, phạm vi bài viết này, xin đề cập đến hai vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau đó là khái niệm vi phạm hành chính và tuổi chịu trách nhiệm hành chính.

\*\*\*\*\*

Luật Xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2012 (sau đây gọi là Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012), có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 là văn bản quy phạm pháp luật có tính chất tổng hợp, toàn diện, có hiệu lực pháp lý cao nhất về xử lý vi phạm hành chính. Sau gần một năm có hiệu lực thi hành, Luật Xử lý vi phạm hành chính đã phát huy được vai trò điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân ban hành. Tuy vậy, văn bản quy phạm pháp luật này cũng đã bộc lộ những vấn đề về lý luận cũng như thực tiễn, một trong những vấn đề đó là khái niệm vi phạm hành chính và tuổi chịu trách nhiệm hành chính.

## 1. Về khái niệm vi phạm hành chính

Khoản 1 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: “Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi, do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính”. Khái niệm này về cơ bản không có sự thay đổi so với khái niệm vi phạm hành chính được quy định tại Điều 1 Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 1989: “Vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm quy tắc quản lý Nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính”.

\* P. Trưởng Bộ môn Pháp luật,  
Trường Cao đẳng An ninh nhân dân II.



Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định khái niệm vi phạm hành chính là cơ sở pháp lý chung cơ bản cho việc xác định vi phạm hành chính, áp dụng trách nhiệm hành chính và là cơ sở pháp lý phân biệt vi phạm hành chính với tội phạm. Nhưng điều còn vướng mắc trong khái niệm vi phạm hành chính nêu trên đó là dấu hiệu "...mà không phải là tội phạm...", để làm rõ dấu hiệu này đòi hỏi chủ thể có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải xác định hành vi vi phạm pháp luật không cấu thành một tội phạm cụ thể nào được quy định trong Bộ luật Hình sự. Bằng những hoạt động của mình để làm rõ dấu hiệu trên, các chủ thể có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thể sẽ gặp rất nhiều khó khăn, có trường hợp phải tốn nhiều thời gian hoặc phải có những cơ quan nhất định có thẩm quyền mới có thể làm được. Chẳng hạn có nhiều hành vi vi phạm pháp luật nếu chỉ bằng hoạt động của chủ thể có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo trình tự thủ tục hành chính thì không thể xác định được hành vi đã thực hiện là vi phạm hành chính hay tội phạm mà chỉ có thể xác định bằng các hoạt động tố tụng của chủ thể có thẩm quyền do luật tố tụng hình sự quy định. Ví dụ, Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định: "Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm" hay Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự quy định: "Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng

nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm". Như vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 và Điều 139 Bộ luật hình sự thì hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị dưới hai triệu đồng chỉ có thể cấu thành tội phạm nếu có thêm một trong các dấu hiệu như: gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Để xác định được hành vi chiếm đoạt dưới hai triệu đồng có thêm một trong các dấu hiệu đó hay không, làm cơ sở cho việc xác định là vi phạm hành chính hay tội phạm, có những trường hợp cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thể làm rõ được nhưng có những trường hợp đòi hỏi phải được chủ thể có thẩm quyền thực hiện theo trình tự tố tụng hình sự chứ không phải do chủ thể có thẩm quyền xử phạt hành chính tiến hành. Chính vì vậy, việc quy định dấu hiệu "không phải là tội phạm" trong khái niệm vi phạm hành chính là một vấn đề cần phải được nghiên cứu trao đổi.

## **2. Về tuổi chịu trách nhiệm hành chính**

Điểm a, khoản 1 Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: "Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính".

Để làm sáng tỏ vấn đề cần được chính xác hóa trong nội dung quy định nêu trên trước hết cần làm rõ các cụm từ "đủ 14 tuổi"; "dưới 16 tuổi và đủ 16 tuổi". Về lý luận cũng như thực tiễn thực thi pháp luật ở Việt Nam cho thấy: Người từ



đủ 14 tuổi được hiểu là người tròn 14 tuổi, người tròn 13 tuổi bước sang ngày đầu tiên của tuổi 14 được coi là người đến tuổi 14 (nhưng chưa đủ 14 tuổi); người dưới 16 tuổi là người có độ tuổi từ đủ 15 trở xuống; người đủ 16 tuổi là người 16 tuổi tròn, người đủ 15 tuổi bước sang ngày đầu tiên của tuổi 16 được coi là người đến tuổi 16 (nhưng chưa đủ 16 tuổi).

Với cách hiểu về các cụm từ như đã trình bày ở trên và từ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính chúng ta cũng có thể hiểu là: Người từ đủ 14 tuổi đến đủ 15 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính. Như vậy, vấn đề chưa chính xác trong quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 nêu trên là người đến 16 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi thì điều luật không quy định có bị xử phạt hành chính về vi phạm hành chính hay không (nói cách khác là người ở độ tuổi này vi phạm hành chính sẽ không bị xử phạt hành chính về vi phạm hành chính). Điểm chưa chính xác này còn được lặp lại trong quy định tại Chương I Những quy định chung về xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên, thuộc thẩm phần thứ năm (Những quy định đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính). Đoạn 2 và 3 khoản 3 Điều 134 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định:

“Trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì không áp dụng hình thức phạt tiền.

Trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính bị phạt tiền thì mức tiền phạt không quá  $\frac{1}{2}$  mức tiền phạt áp dụng đối với người thành niên...”

Với quy định của điều luật nêu trên thì người đến tuổi 16 nhưng chưa đủ 16 tuổi, điều luật không quy định có bị phạt tiền hay không và

người đến tuổi 18 nhưng chưa đủ 18 tuổi điều luật không quy định nếu phạt tiền thì mức tiền phạt là bao nhiêu?.

Để đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong thực thi pháp luật, tranh việc hiểu và áp dụng pháp luật thiếu thống nhất và tùy tiện, dẫn đến vi phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức thì tuổi chịu trách nhiệm hành chính trong Điểm a, khoản 1 Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nên quy định lại như sau:

“Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính”

Đoạn 2 và 3 khoản 3 Điều 134 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nên quy định lại như sau:

“Trường hợp người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi thì không áp dụng hình thức phạt tiền.

Trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi vi phạm hành chính bị phạt tiền thì mức tiền phạt không quá  $\frac{1}{2}$  mức tiền phạt áp dụng đối với người thành niên...”

Trên đây là một số nội dung cần trao đổi về khái niệm vi phạm hành chính và tuổi chịu trách nhiệm hành chính. Rất mong các nhà làm luật và các cơ quan thực thi pháp luật tham khảo để góp phần hoàn thiện các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và có cách hiểu thống nhất về các quy định này để áp dụng trong thực tiễn./.